



### I – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Đây là một bài thơ tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật thơ Chế Lan Viên. Cần nắm chắc phong cách nghệ thuật của nhà thơ để phân tích sâu sắc bài thơ.

2. Bài thơ có nhiều hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng. Cần hiểu được những ý nghĩa biểu tượng đó để hiểu đúng tác phẩm.

3. Trọng tâm bài học là phần thứ hai của bài thơ.

### II – HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

Dựa vào những câu hỏi trong SGK, GV nêu câu hỏi, hướng dẫn cho HS thảo luận, trả lời từng vấn đề cụ thể. Trên cơ sở đó, GV tổng kết, nhấn mạnh những điều cần lưu ý.

#### *Câu 1*

GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu hoàn cảnh sáng tác và những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng của bài thơ

– Bài thơ có liên quan đến một sự kiện kinh tế – xã hội : Vào những năm 1958 – 1960 có phong trào vận động đồng bào miền xuôi (chủ yếu là thanh niên) lên xây dựng kinh tế ở miền núi Tây Bắc. Bài thơ *Lên miền Tây* của Bùi Minh Quốc với những câu đầy hào hứng : “Lúa tuổi hai mươi khi hướng đời đã thấy – Thì xa xôi biết mấy cũng lên đường” rất quen thuộc với thanh niên hồi bấy giờ. *Tiếng hát con tàu* lấy cảm hứng trực tiếp từ sự kiện kinh tế – xã hội nói trên, nhưng còn là nguyên cơ để nhà thơ thể hiện khát vọng về với nhân dân, với những kỉ niệm sâu nặng nghĩa tình của nhân dân trong những tháng năm kháng chiến gian khổ, cũng là sự tìm về nơi ngọn nguồn của hồn thơ, của cảm hứng sáng tạo thơ ca.

Lấy sự kiện chính trị xã hội làm điểm xuất phát, khơi gợi cảm hứng sáng tác là một cách khai thác đề tài khá quen thuộc của Chế Lan Viên. Song, từ những điểm xuất phát đó, xu hướng chung của thơ Chế Lan Viên là hướng tới sự khái quát sâu sắc về cuộc sống và nghệ thuật.

Cũng cần hiểu hoàn cảnh và tâm trạng riêng của tác giả khi viết bài thơ *Tiếng hát con tàu*. Trong không khí sôi động của miền Bắc những năm đầu xây dựng cuộc

sống mới, Chế Lan Viên, lúc bấy giờ bị bệnh, không thể đi đến các vùng đất xa xôi của Tổ quốc, ông đã thể hiện khát vọng lên đường qua bài thơ này.

– Trong bài thơ, *con tàu* và *Tây Bắc* là những hình ảnh có ý nghĩa biểu tượng. Con tàu là biểu tượng cho tâm hồn nhà thơ đang khao khát lên đường, vượt ra khỏi cuộc sống chật hẹp, quẩn quanh để đến với cuộc đời rộng lớn: “Tàu ơi những vành trăng”, “Tàu gọi anh đi, sao chưa ra đi?”, “Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép – Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia”. Tây Bắc, ngoài ý nghĩa cụ thể chỉ địa danh một vùng đất xa xôi của Tổ quốc, còn là một biểu tượng của cuộc sống lớn của nhân dân và đất nước, là cội nguồn cảm hứng của nghệ thuật, của hồn thơ và sáng tạo thơ ca. Vì thế, lời giục giã ra đi, kêu gọi lên Tây Bắc cũng là về với chính lòng mình, với những tình cảm trong sáng, nghĩa tình gắn bó sâu nặng với nhân dân và đất nước.

Với Chế Lan Viên, hành trình đến với nhân dân, đến với cuộc đời rộng lớn cũng là sự trở về với chính tâm hồn mình, tự làm giàu có thêm tâm hồn thơ của mình. Ông đã tìm ra một cách diễn đạt thông minh, sắc sảo nhưng cũng khá cầu kì để thể hiện sự hoà nhập tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của người nghệ sĩ với cuộc đời rộng lớn của nhân dân, đất nước. Tình cảm, tâm hồn của nhà thơ (“Khi lòng ta đã hoá những con tàu”) một khi đã hoà nhập với không khí náo nức, tung bừng, với niềm vui chung của nhân dân trong công cuộc dựng xây đất nước (“Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát”) thì cũng là lúc soi vào lòng mình, nhà thơ có thể thấy được cả cuộc đời rộng lớn (“Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu”). Ý tưởng này đã từng được Chế Lan Viên diễn tả trong bài thơ *Chim lượn trăm vòng*:

*Tâm hồn tôi khi Tổ quốc soi vào  
Thấy ngàn núi trăm sông diễm lệ.*

## **Câu 2**

GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu bố cục và diễn biến tâm trạng của nhà thơ

– Bài thơ có thể chia làm ba đoạn. Đoạn thứ nhất (hai khổ thơ đầu) là sự trần trở và lời giục giã, mời gọi lên đường. Đoạn thứ hai (chín khổ thơ tiếp theo) là niềm hạnh phúc và khát vọng về với nhân dân, gọi lại những kỉ niệm sâu nặng đầy tình nghĩa trong những năm kháng chiến. Đoạn thứ ba (bốn khổ cuối) là khúc hát lên đường sôi nổi, tin tưởng và say mê.

– Giọng điệu, âm hưởng của bài thơ cũng biến đổi theo mạch diễn biến tâm trạng. Đoạn đầu là lời giục giã với những câu hỏi ngày càng dồn dập, tăng tiến (“Tàu gọi anh đi, sao chưa ra đi? – Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép – Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia”). Đoạn thứ hai là lời bày tỏ trực tiếp tình cảm và

dòng hoài niệm đầy ân tình về nhân dân trong những năm kháng chiến. Xen với những hình ảnh lung linh của hồi tưởng là những chiêm nghiệm về đời sống được đúc kết trong giọng thơ trầm lắng. Đoạn cuối mang âm hưởng của khúc hát lên đường vừa dồn dập, lôi cuốn, vừa bay bổng, say mê.

### *Câu 3*

– *Tiếng hát con tàu* bộc lộ niềm khao khát mãnh liệt và niềm hạnh phúc lớn lao của nhà thơ khi trở về với nhân dân :

*Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ*

*Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa,*

*Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa*

*Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.*

– Thể hiện niềm hạnh phúc lớn lao đó, tác giả sử dụng liên tiếp những hình ảnh được so sánh. Những hình ảnh này vừa có vẻ đẹp thơ mộng, mượt mà (“nai về suối cũ”, “cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa”), vừa có sự hoà hợp giữa nhu cầu, khát vọng của bản thân với hiện thực (“trẻ thơ đói lòng gặp sữa”, “nôi ngừng gặp cánh tay đưa”) đã nhấn mạnh niềm hạnh phúc tột độ và ý nghĩa sâu xa của việc trở về với nhân dân. Đối với nhà thơ, được trở về với nhân dân không chỉ là niềm vui, niềm khao khát mà còn là một lẽ tự nhiên, phù hợp với quy luật. Về với nhân dân là về với ngọn nguồn bất tận của sự sống, về với ngọn nguồn của sự sáng tạo nghệ thuật, về với những gì thân thiết, sâu nặng nhất của lòng mình.

### *Câu 4*

Khát vọng trở về với nhân dân được tác giả thể hiện thông qua những cảm xúc chân thành, những tình cảm cụ thể, những kỉ niệm sâu sắc gắn liền với những con người tiêu biểu cho sự hi sinh, chịu mang đùm bọc của nhân dân trong kháng chiến. Nhân dân ở đây không còn là một khái niệm chung chung, trừu tượng mà hiện ra qua những hình ảnh, những con người cụ thể, gần gũi, xiết bao thương mến. Nhân dân, đó là “anh con, người anh du kích” với “Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách – Đêm cuối cùng anh cởi lại cho con” ; là “em con, thằng em liên lạc – Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ” ; là bà mẹ già “lửa hồng soi tóc bạc – Năm con đau, mẹ thức một mùa dài”... Với những điệp ngữ : *con nhớ anh con, con nhớ em con, con nhớ mẹ*,... bài thơ chông chất, âm áp những kỉ niệm được gọi ra từ niềm hoài niệm về nhân dân của nhà thơ. Cách xưng hô của chủ thể trữ tình bộc lộ một tình cảm thân tình, ruột thịt với những con người đã từng gắn bó mật thiết với mình trong những tháng năm kháng chiến. Đọc những câu thơ này, có thể thấy được sự rung động vừa

sâu sắc, tha thiết, vừa say mê, mãnh liệt của một hồn thơ trong những giây phút bùng sáng của sự giác ngộ một chân lí đời sống và cũng là chân lí của nghệ thuật : phải trở về thủy chung gắn bó với nhân dân. Tổ quốc và nhân dân đã hồi sinh cho một hồn thơ từng một thời tự giam mình trong cái tôi cô đơn, khép kín.

### **Câu 5**

GV hướng dẫn cho HS tìm những câu thơ thể hiện chất suy tưởng và triết lí của thơ Chế Lan Viên. Hướng dẫn HS tìm hiểu ý nghĩa của những câu thơ đó.

Trữ tình – triết luận là giọng điệu chủ đạo của bài thơ *Tiếng hát con tàu*. Giọng điệu đó thấm nhuần trong từng khổ thơ, xuyên thấm từ những câu thơ đề từ đến câu thơ cuối.

– Từ những kỉ niệm ân tình, những hoài niệm về nhân dân, tác giả đã nâng lên thành những suy ngẫm, những chiêm nghiệm giàu sức khái quát, những chân lí được rút ra từ những trải nghiệm của chính mình :

*Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ  
Nơi nao qua, lòng lại chẳng yêu thương ?  
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở  
Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn !*

*Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét  
Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng  
Như xuân đến chim rừng lông trở biếc  
Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương.*

Sự vận động của mạch thơ trong những khổ thơ trên là đi từ những chi tiết, những hình ảnh, những cảm xúc cụ thể dẫn tới những suy ngẫm triết luận. Những bản làng, những núi đèo ẩn hiện qua sương mờ và mây phủ (cũng là sương khói của hoài niệm) đã gợi lên trong mỗi chúng ta hình ảnh của biết bao những miền đất trong đời chúng ta đã từng qua, làm sống dậy trong lòng ta vô vàn những kỉ niệm. Chính những kỉ niệm ấy đã nuôi dưỡng, bồi đắp và làm phong phú tâm hồn ta.

– Nói đến tình yêu trong nỗi nhớ, câu thơ Chế Lan Viên lấp lánh, rực rỡ những sắc màu, bồi hồi, xốn xang những xúc động. Chế Lan Viên đã diễn tả thật hóm hỉnh, độc đáo và sâu sắc mối quan hệ khăng khít, sự gắn bó chặt chẽ giữa những người đang yêu. Nhưng tình yêu ở đây không chỉ giới hạn trong tình yêu đôi lứa của anh và em mà còn là sự kết tinh của những tình cảm sâu nặng đối với quê hương, đất nước.

Mạch thơ tưởng như đột ngột rẽ sang một hướng khác, nhưng kì thực là khơi sâu thêm cái mạch suy nghĩ, triết luận của khổ thơ trước. Nói về tình yêu nhưng lại hướng tới sự cất nghĩa, lí giải, làm bình sáng ý nghĩa của cả đoạn thơ. Chế Lan Viên đã nói tới phép màu của tình yêu. Chính tình yêu đã biến những miền đất xa lạ trở thành thân thiết như quê hương ta, hoá thành máu thịt tâm hồn ta : “Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở – Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn !” ; “Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương”. Những câu thơ cô đúc như một châm ngôn chứa đựng những phát hiện sâu sắc về quy luật của tình cảm này không xuất phát, không lấy điểm tựa từ trí tuệ sắc sảo mà chủ yếu được Chế Lan Viên kiến tạo trên cái nền của những xúc động trong tâm hồn mình, lắng nghe tiếng lòng của chính mình mà chiêm nghiệm ra một chân lí phổ quát của đời sống tình cảm con người. Chính vì triết lí được rút ra từ tình cảm, cảm xúc chân thành, cho nên triết lí mà vẫn không khô khan, vẫn tự nhiên, dung dị.

### **Câu 6**

– Sự sáng tạo hình ảnh là nét nghệ thuật đặc sắc của bài thơ này. Nhà thơ đã sáng tạo ra một hệ thống hình ảnh đa dạng, phong phú : có những hình ảnh thị giác do quan sát được trong đời sống thực (*bản sương giăng, đèo mây phủ, chim rừng lông trở biếc*) ; có những hình ảnh được miêu tả cụ thể đến chi tiết (“Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách”) ; có hình ảnh thực nhưng lại giàu sức gợi (“Con nhớ mẹ ! Lửa hồng soi tóc bạc”) ; có những hình ảnh được xây dựng thành những hình ảnh – biểu tượng (*con tàu, vầng trăng, tuổi lớn mùa xuân*),... Chế Lan Viên thường có thói quen xây dựng, “thiết kế” những hình ảnh độc đáo, mới lạ, xâu chuỗi, liên kết với nhau bằng những liên tưởng bất ngờ, có chiều sâu trí tuệ.

– Cùng với sự sáng tạo hình ảnh, các phép tu từ ẩn dụ, so sánh cũng được sử dụng rộng rãi, đa dạng và linh hoạt. Chế Lan Viên là nhà thơ dùng “văn chương” tới mức tối đa. Thói quen này gắn liền với quan niệm về văn chương của ông : “Có những cách cày bừa tăng năng suất cho cây trồng. Có những cách dùng chữ, viết văn tăng năng suất cho ý”<sup>(1)</sup>. Chính vì lẽ đó mà Chế Lan Viên luôn có ý thức tìm tòi, đổi mới hình thức thơ. Và khi nào những tìm tòi về mặt hình thức ấy hoà hợp được với tư tưởng sâu sắc, với cảm xúc phong phú, chân thành thì Chế Lan Viên có được những bài thơ có giá trị.

### **III – TÀI LIỆU THAM KHẢO**

*Chế Lan Viên – Về tác gia và tác phẩm*, NXB Giáo dục, 2002.

---

(1) Chế Lan Viên, *Suy nghĩ và bình luận*, NXB Văn học, Hà Nội, 1971, tr. 127.